

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG HUYỀN BÍ GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG HUYỀN BÍ GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MYSTERIOUS EASTERN GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108982908

**3. Ngày thành lập:** 11/11/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

71 đường Phan Bá Vành , Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: [phuongdonghuyenbi.vn@gmail.com](mailto:phuongdonghuyenbi.vn@gmail.com) Website: [phuongdonghuyenbi.vn](http://phuongdonghuyenbi.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Loại trừ đấu giá                                                                                                                                                                                                                                          | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng;                                                                                                                                                                                                                                 | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Kinh doanh dược liệu                                                                                                                                                              | 4649     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>+ Bán buôn đồ thờ cúng, vàng mã và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác;                                                                                   | 4669     |
| 5.  | Bán buôn tổng hợp<br>Trừ loại Nhà nước cấm                                                                                                                                                                                                                                                      | 4690     |
| 6.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                | 4722     |
| 7.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>+ Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng thiết bị viễn thông như: sim, card điện thoại, nạp tiền điện thoại... | 4741     |

|     |                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác;                                                                    | 4773 |
| 9.  | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ<br>+ Bán lẻ đồ thờ cúng, vàng mã và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; | 4789 |
| 10. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Loại trừ đấu giá                                                                                                                                    | 4791 |
| 11. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Loại trừ đấu giá                                                                                                                                               | 4799 |
| 12. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                              | 5820 |
| 13. | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                                                                                      | 6190 |
| 14. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                          | 6201 |
| 15. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                            | 6202 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                | 6209 |
| 17. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                             | 6311 |
| 18. | Cổng thông tin<br>Loại trừ hoạt động báo chí                                                                                                                                                                   | 6312 |
| 19. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                  | 6399 |
| 20. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Môi giới bất động sản<br>- Tư vấn bất động sản                                                                             | 6820 |
| 21. | Quảng cáo<br>Loại trừ quảng cáo thuốc lá                                                                                                                                                                       | 7310 |
| 22. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>trừ hoạt động hợp báo                                                                                                                                             | 8230 |
| 23. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn                                                                                                                                   | 7222 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ phát hành xuất bản phẩm<br>- Dịch vụ phát hành xuất bản phẩm điện tử                                                           | 8299(Chính) |
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                          | 4772        |
| 26. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Loại trừ dạy về tôn giáo và các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể.                                                                                                                   | 8559        |
| 27. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Loại trừ:<br>- Hoạt động của những nhà báo độc lập;<br>- Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; tư vấn chứng khoán;<br>- Hoạt động thu hồi nợ | 7490        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.990.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                   | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ KIM YẾN    | Căn 01 tầng lửng 300 Mỹ Đình, tổ dân phố số 12 Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 79.600     | 796.000.000           | 40,000    | 030161002300                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                        | Tổng số                   | 79.600     | 796.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                        |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ THU HỒNG | Ngõ 26, Đường Doãn Kế Thiện, tổ 7, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông         | 39.800     | 398.000.000           | 20,000    | 001172018609                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                        | Tổng số                   | 39.800     | 398.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                                        |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                               |                           |        |             |        |                  |
|---|---------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>VĂN KHOÁT | Khu 13, Xã Văn Khê, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 79.600 | 796.000.000 | 40,000 | 0010880232<br>42 |
|   |                     |                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                               | Tổng số                   | 79.600 | 796.000.000 | 40,000 |                  |
|   |                     |                                                               |                           |        |             |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ KIM YẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/02/1961

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030161002300

Ngày cấp: 01/03/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn 01 tầng lửng 300 Mỹ Đình, tổ dân phố số 12 Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Nhà 2809 toà FLC Complex 36 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội